

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

Số -BC/CQTTBCĐ

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025
và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương**

Kính gửi: Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo,

Đồng kính gửi: Các Đồng chí Thành viên Ban Chỉ đạo,

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thành lập Ban chỉ đạo Trung ương triển khai thực hiện do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng Ban. Qua 1 năm thực hiện đã đạt được những kết quả rất tích cực, Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026, cụ thể như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57 được thực hiện khẩn trương, quyết liệt và đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị **với quyết tâm chính trị cao nhất**. Ngay sau khi Nghị quyết 57 được ban hành, Ban chỉ đạo đã tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai đến cấp xã. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thành lập 19 đoàn kiểm tra, giám sát các chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025 trong đó có việc thực hiện Nghị quyết 57. **Đồng chí Tổng Bí thư**, Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo những định hướng chiến lược và nhiều nhiệm vụ quan trọng (quản lý và khai thác đất hiếm; phát triển UAV; an ninh mạng, bảo mật dữ liệu; thăm, làm việc tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, trung tâm công nghệ trong nước và quốc tế...). **Đồng chí Thủ tướng Chính phủ** quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, nhất là thúc đẩy triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, phát triển kinh tế xã hội¹. **Đồng chí Chủ tịch Quốc hội** chỉ đạo các cơ quan kịp thời xây dựng, trình Quốc hội thông qua nhiều dự

¹ Chỉ thị số 33/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và các thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương

án luật với các chính sách quan trọng để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết số 57. **Đồng chí Thường trực Ban Bí thư** chỉ đạo đầy mạnh việc thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và đã đạt được một số kết quả rõ nét, ứng dụng trong các cơ quan Đảng từ Trung ương đến địa phương. **Thường trực Ban Chỉ đạo** đã phát huy vai trò trung tâm điều phối, chỉ đạo quyết liệt và xuyên suốt, bảo đảm mọi chủ trương, nhiệm vụ được thống nhất; trực tiếp chủ trì nhiều cuộc họp chuyên đề, cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ những điểm nghẽn liên ngành, tạo chuyển biến trong tổ chức thực hiện. Các đồng chí thành viên Ban chỉ đạo tích cực chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương quyết liệt triển khai Nghị quyết 57 theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Cơ quan Thường trực, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác liên ngành đã tham mưu chuẩn bị nội dung, phục vụ **30 cuộc họp**² của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo và lãnh đạo Ban Chỉ đạo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (*Phụ lục I kèm theo*). Ban hành **08** báo cáo gửi Ban Chỉ đạo và **180** báo cáo ngày gửi các đảng ủy, cơ quan. Đặc biệt đã triển khai Hệ thống giám sát, đánh giá **nq57.vn**, bảo đảm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 57 chính xác, khách quan, kịp thời từ Trung ương tới cơ sở; triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, góp phần xử lý kịp thời các kiến nghị và ghi nhận các sáng kiến, đóng góp của người dân và doanh nghiệp³.

Hội đồng Tư vấn quốc gia đã tích cực, phát huy vai trò nghiên cứu độc lập, phân tích khách quan và đề xuất những chủ trương, định hướng lớn có cơ sở khoa học và thực tiễn. Các ý kiến của Hội đồng về pháp lý, kỹ thuật, công nghệ lõi và các giải pháp chiến lược đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng quyết sách của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương đã quán triệt, triển khai nghiêm túc các nội dung Nghị quyết 57 theo chức năng, nhiệm vụ được giao; nhiều nơi thực hiện quyết liệt, sáng tạo mang lại hiệu quả cao (Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh...). Cộng đồng doanh nghiệp, các nhà khoa học và người dân tích cực đón nhận, hưởng ứng và tham gia thực hiện Nghị quyết 57; phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng, tạo khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CDS) quốc gia.

2. Từ sự chỉ đạo quyết liệt của Ban chỉ đạo, các cơ quan ở cả 4 khối trong hệ thống chính trị (Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận) từ Trung ương đến địa phương đã nỗ lực triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo chức năng nhiệm vụ được giao với khối lượng công việc rất lớn. Năm 2025 đã thực hiện 1.227/1.298 nhiệm vụ, đạt 95% (trong đó hoàn thành 779 nhiệm vụ; đang thực hiện đúng hạn 448 nhiệm vụ),

² gồm **03** phiên họp của Ban Chỉ đạo, **03** phiên họp của Thường trực và hơn **24** cuộc họp của lãnh đạo Ban Chỉ đạo

³ xử lý **720/878** PAKN (tỷ lệ **82%**); đang xử lý và chờ tiếp nhận **158/878** (tỷ lệ **18%**). Các ý kiến tập trung vào: thiếu nhân lực CNTT, hạ tầng yếu, phần mềm lỗi, liên thông dữ liệu chưa đồng bộ; Vướng mắc trong triển khai thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; Các đề xuất về cơ chế tài chính, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sở hữu trí tuệ, sandbox công nghệ; Nhiều phản ánh đã được xử lý kịp thời, góp phần hoàn thiện chính sách và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

còn 71 nhiệm vụ chưa hoàn thành (chiếm 5%)⁶. Đồng chí Tổng Bí thư đã chỉ đạo **267** nhiệm vụ cụ thể để giải quyết những vấn đề cốt lõi về thể chế, nguồn lực, công nghệ chiến lược, hạ tầng số; các cơ quan đã thực hiện đạt **96,3%**, còn 3,7% nhiệm vụ chưa hoàn thành. *(Phụ lục II kèm theo).*

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Đã tạo được sự đột phá trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, tháo gỡ cơ bản những “điểm nghẽn”, rào cản cố hữu, mở ra hành lang pháp lý thông thoáng cho phát KHCN, ĐMST, CDS. Năm 2025, các cơ quan của Chính phủ, Quốc hội và các đơn vị liên quan đã nỗ lực rất lớn để xây dựng, trình Quốc hội thông qua **30 luật (7 luật về chuyển đổi số; 8 luật về KHCN, ĐMST và 15 luật chung cho cả 2 lĩnh vực); Chính phủ đã ban hành **68 nghị định** (15 về chuyển đổi số; 23 về KHCN, ĐMST và 30 chung cho cả 2 lĩnh vực); **60 thông tư** (06 về chuyển đổi số; 47 về KHCN, ĐMST và 07 chung cho cả 2 lĩnh vực); Các địa phương đã ban hành **704 văn bản của** (247 về chuyển đổi số; 201 về KHCN, ĐMST và 256 chung cho cả 2 lĩnh vực) *Phụ lục III kèm theo*. Nhiều cơ chế, chính sách nổi bật đã được thể chế hoá và triển khai như: các nghị định về cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, kiến trúc chính quyền địa phương, hợp tác công - tư, đô thị thông minh và mô hình tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng...**

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, còn một số văn bản chưa được ban hành theo tiến độ như: còn 02 văn bản của cơ quan Đảng chưa hoàn thành, 06 nghị định⁹ của Chính phủ và một số thể chế, chính sách chậm, có nguy cơ chậm ban hành theo kế hoạch đề ra như: Chỉ thị về an ninh mạng, Khung chiến lược giáo dục đại học, Chương trình công nghệ chiến lược, bộ tiêu chí nội địa hóa theo ngành... Trách nhiệm thuộc về các cơ quan chủ trì xây dựng: Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương...

III. VỀ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Công tác chuyển đổi số quốc gia đã có bước tiến quan trọng. Ban chỉ đạo đã ban hành **Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW** ngày 19/6/2025 về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bước đầu đi vào vận hành, cùng Mô hình liên thông số giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị (Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025); các Đề án chuyển đổi số trong 04 khối cơ quan được triển khai đồng bộ: **(1) Khối cơ quan Đảng** triển khai Đề án chuyển đổi số từ Trung ương đến cấp xã, bước đầu có những kết quả tích cực về thể chế¹⁰, hạ tầng¹¹, một số nền tảng, ứng dụng được triển khai, hiện đại hóa hoạt động của Đảng trên môi trường số; **(2) Khối cơ quan Quốc hội** đã ban hành và triển khai Đề án chuyển đổi số, ứng dụng nhiều phần mềm, tiện ích trong các hoạt động lập pháp, từng bước xây dựng Quốc hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; **(3) Khối**

⁶ Số liệu thống kê trên hệ thống nq57.vn đến ngày 23/12/2025.

⁹ Đề thực thi 4 Luật (Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa; Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi); Luật Công nghiệp công nghệ số) vừa được Quốc hội thông qua (Bộ KHCN chủ trì).

¹⁰ Đã ban hành 20 văn bản quy định, hướng dẫn về chuyển đổi số

¹¹ Triển khai mở rộng mạng chuyên dùng của Đảng thành mạng dùng chung gửi nhận văn bản đến cấp độ Mật (cấp xã), Tối Mật (cấp Trung ương).

cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã ban hành và triển khai Đề án chuyển đổi số với quy mô và mức độ thực hiện sâu rộng, từng bước được chuẩn hóa, liên thông từ Trung ương đến cơ sở; **(4) Khối cơ quan Chính phủ** tiếp tục triển khai các nội dung thúc đẩy Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; đồng thời đã khẩn trương rà soát, ban hành *Chương trình phát triển Chính phủ số*¹² với nhiều mục tiêu cụ thể đến năm 2030, trong đó phần đầu hoàn thành xây dựng Chính phủ số, hình thành Chính phủ thông minh trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dùng làm trung tâm. Kết quả cụ thể như sau:

1. Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) có sự chuyển biến cả về quy mô và chất lượng, mang lại hiệu quả rất thiết thực cho người dân và doanh nghiệp¹³.

Tuy nhiên, vẫn còn khoảng cách lớn giữa cấp Trung ương và địa phương: địa phương đạt tỷ lệ số hóa, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu mức cao, trong khi cấp bộ, ngành còn hạn chế, thậm chí rất thấp.

Đến cuối năm 2025, tỷ lệ cung cấp DVCTT trực tuyến và trực tuyến toàn trình ở cấp Trung ương đạt **53,3%** và **31,36%**; cấp địa phương đạt **93,9%** và **45%**¹⁵ (tổng số **TTHC** trên cả nước là **5.517**). Toàn bộ các địa phương đã công bố danh mục TTHC không phụ thuộc địa giới, trong đó **18** địa phương công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP xác định 786 TTHC được thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu và cắt giảm hồ sơ của 08 TTHC, tạo nền tảng quan trọng cho đơn giản hóa thủ tục dựa trên dữ liệu. Bên cạnh đó, các Bộ, cơ quan ngang bộ đã rà soát, thống kê có tổng số 1.800 TTHC có thành phần hồ sơ có thể khai thác từ các CSDL và 1.740 trường thông tin thuộc 21 CSDL đã sẵn sàng chia sẻ (**Phụ lục III kèm theo**).

Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT tăng mạnh với **36,5/44,5** triệu hồ sơ trực tuyến¹⁶ (cấp Bộ đạt **77%**; cấp tỉnh đạt **86,7%**); qua đó đã tiết kiệm cho nhà nước khoảng **4.100** tỷ đồng¹⁷. **Tuy nhiên**, chất lượng cung cấp DVCTT và giải quyết TTHC vẫn còn nhiều hạn chế: 04 TTHC của Đảng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cần tiếp tục cải thiện để thuận tiện¹⁸, triển khai thống nhất toàn quốc¹⁹. Ở Khối Chính phủ, tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình còn dưới mức trung bình; các tỷ lệ về số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu cấp bộ còn thấp; cung cấp DVCTT cho doanh nghiệp chưa đạt mục tiêu 100%, trong khi DVCTT phi địa giới ở cấp tỉnh chủ yếu ở mức công bố danh mục, chưa đi vào vận hành thực tế.

¹² Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số

¹³ Theo số liệu Bộ Tư pháp cung cấp đến ngày 18/12/2025.

¹⁵ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình tính bằng Số TTHC đã cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC.

¹⁶ Số hồ sơ trực tuyến: Lũy kế từ đầu năm cấp bộ có 16,7/21,7 triệu hồ; lũy kế từ 01/7/2025 cấp tỉnh có 19,8/22,8 triệu hồ sơ.

¹⁷ Theo báo cáo số 3078/BC-TCT về Kết quả triển khai Đề án 06 giai đoạn 2022 – 2025 và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026 – 2030 của Tổ công tác triển khai đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với đề án 06

¹⁸ quy trình rườm rà, gây khó khăn cho Bí thư hoặc đảng viên phải thực hiện nhiều thao tác trên hệ thống phần mềm, đặc biệt là những người lớn tuổi hoặc kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ số có nhiều hạn chế.

¹⁹ hạ tầng hiện tại không đủ tài nguyên để đáp ứng các yêu cầu triển khai toàn quốc.

2. Chuyển đổi số phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị, chính quyền địa phương 2 cấp và người dân, doanh nghiệp tiếp tục được thúc đẩy

Việc hiện đại hóa nền tảng số trong toàn hệ thống chính trị đã tạo chuyển biến rõ rệt về hiệu quả quản lý, điều hành sau thời điểm sáp nhập 01/7/2025. **Khối cơ quan Đảng** đã số hóa 60/124 quy trình và đưa vào vận hành loạt hệ thống quan trọng²⁰. **Khối Quốc hội** vận hành đồng bộ hệ thống quản lý văn bản, các phần mềm phục vụ đại biểu, ứng dụng Quốc hội 2.0, phòng họp không giấy tờ và nền tảng Quốc hội số. **Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội** đã rà soát 77/90 quy trình lỗi, triển khai hệ thống điều hành tác nghiệp đến cấp xã và nền tảng Mặt trận số. **Khối Chính phủ** hoàn thiện Cổng DVCQG trở thành “một cửa số” từ 01/7/2025, tiếp tục vận hành các hệ thống giải quyết TTHC và định hình 84 nền tảng số dùng chung, đồng thời hiện đại hóa Trung tâm phục vụ hành chính công phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp.

Tồn tại, hạn chế là: Hạ tầng và hệ thống số vẫn là điểm nghẽn lớn trong triển khai, đặc biệt ở cấp xã khi thiết bị CNTT xuống cấp, thiếu đồng bộ. Nhiều nền tảng dùng chung như Cổng DVCQG, hệ thống điều hành tác nghiệp của Đảng, ứng dụng VNeID còn lỗi, chưa thông suốt. Ở cấp bộ, ngành, các hệ thống thông tin chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả, khiến cán bộ phải thao tác trên nhiều phần mềm, nhập lại dữ liệu nhiều lần, làm giảm năng suất và tăng chi phí. Phần mềm nội bộ tại nhiều cơ quan vẫn phân mảnh, thiếu liên thông, chưa đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại.

Sự chênh lệch lớn giữa hạ tầng quốc gia hiện đại²¹ và hạ tầng cấp bộ, ngành, địa phương còn manh mún, thiếu chuẩn hóa²², vẫn còn 117 thôn, bản chưa có điện và sóng di động (*trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Tập đoàn điện lực Việt Nam và các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương*). Nhân sự CNTT và chuyển đổi số còn thiếu và yếu, đặc biệt ở cấp xã²³, trong khi khối lượng công việc tăng sau sáp nhập địa bàn (*trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương*).

3. Công tác xây dựng, tạo lập dữ liệu được đẩy mạnh

Đến nay, đã có Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư, **08/12** CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (*CSDL quốc gia về doanh nghiệp, CSDL quốc gia về tài chính, CSDL hộ tịch điện tử, CSDL quốc gia về đất đai, CSDL đảng viên...*) và **32/105** CSDL theo Nghị quyết 71/NQ-CP **đã có nền tảng và CSDL tập trung** phục vụ khai thác, tái sử dụng; **58/105** CSDL đang triển khai, bước đầu xây dựng nền tảng. Những dữ liệu nêu trên đã góp phần cung cấp các dịch vụ, tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp, giúp cắt giảm chi phí, thời gian và giấy tờ, từng bước quản trị dựa trên dữ liệu.

Tuy nhiên, tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, chuyên ngành còn chậm²⁴, nguy

²⁰ như điều hành tác nghiệp, giám sát Nghị quyết 57 theo thời gian thực, tiếp nhận phản ánh, sáng kiến, Sổ tay đảng viên điện tử, CSDL đảng viên và các phần mềm ứng dụng AI phục vụ thảo luận, quản lý tài chính, tài sản

²¹ Phủ sóng 5G đến gần 59% dân số; (ii) Tốc độ Internet tăng 50 bậc so với năm 2020, vào top 20 thế giới năm 2025

²² Đây là yếu tố ảnh hưởng xuyên suốt vì cấp xã là nơi trực tiếp triển khai dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng hồ sơ lớn, nhất là trong bối cảnh phân cấp thủ tục hành chính xuống cấp xã. Đơn cử như trang thiết bị CNTT tại nhiều Chi bộ cơ sở trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

²³ Theo số liệu từ 04 khối của cấp xã: 50% đơn vị thiếu cán bộ chuyên trách CNTT.

²⁴ Theo số liệu do Cục C06-Bộ Công an: Đối với 11 CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch 02 và CSDL của Tòa án nhân dân tối cao: (1) Nhóm 07 CSDL đã có nền tảng và CSDL tập trung, tuy nhiên, CSDL quốc gia về đất đai chưa đầy đủ dữ liệu thành phần (đang

cơ không hoàn thành trong năm 2025; dữ liệu chưa liên thông; các bộ ngành chưa xác định được CSDL cần ưu tiên (*trách nhiệm của các bộ, cơ quan chủ quản các CSDL*).

4. Hạ tầng số và các dịch vụ, tiện ích trên môi trường số phát triển mạnh

Hạ tầng số quốc gia được đầu tư phát triển, tốc độ Internet đứng Top 20 thế giới, tỷ lệ phủ sóng 5G đạt gần 59% dân số, tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh ước đạt 81,5%, cùng với việc hình thành Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1 tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số và kinh tế số, mang lại hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, nhất là thông qua 05 nhóm tiện ích của Đề án 06: **(1)** Về giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT mỗi năm tiết kiệm khoảng 2.505 tỷ đồng cho nhà nước (*năm 2025 là 4.184 tỷ đồng*); tạo môi trường kinh doanh bình đẳng và hiệu quả; tăng cường minh bạch và hạn chế “tham nhũng vặt”; **(2)** Về phát triển kinh tế, xã hội, đã ứng dụng dữ liệu dân cư, CCCD gắn chip và định danh điện tử VNeID (*lấy ý kiến nhân dân về nội dung sửa đổi Hiến Pháp, nội dung dự thảo các Văn kiện Đại hội XIV của Đảng trên VNeID...*) đang tạo nền tảng chuyển đổi số toàn diện, giúp rút ngắn thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy tương tác Nhà nước - người dân - doanh nghiệp, mở ra thị trường mới cho các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam²⁵ và đóng góp rõ rệt²⁶ vào phát triển kinh tế số²⁷; **(3)** Về tiện ích phát triển công dân số, đã tập trung xây dựng hạ tầng danh tính điện tử quốc gia và thúc đẩy người dân tham gia vào môi trường số²⁸; **(4)** Tạo lập dữ liệu, kết nối, xác thực và chuẩn hóa dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với các CSDL khác²⁹; **(5)** Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp³⁰ (**Phụ lục V kèm theo**).

Từ những kết quả trên cho thấy thành công chuyển đổi số không chỉ là số hóa thủ tục hành chính và dịch vụ tiện ích, mà còn nâng cao năng suất lao động, cắt giảm chi phí xã hội và hướng tới nền quản trị quốc gia hiện đại dựa trên dữ liệu. Người dân được phục vụ minh bạch, nhanh chóng trên môi trường số; doanh nghiệp hưởng lợi từ hệ sinh thái số đồng bộ, giảm chi phí và mở rộng cơ hội kinh doanh; chính quyền các cấp vận hành trên dữ liệu liên thông, đồng bộ với hạ tầng dùng chung giúp nâng cao hiệu quả điều hành và tiết kiệm ngân sách. Đây là hình mẫu chuyển

tập trung về đất ở), CSDL bản án, quyết định của Toà án chưa đầy đủ dữ liệu, mới phát sinh từ công tác nghiệp vụ của phần mềm quản lý án và một phần của số hoá hồ sơ; CSDL ngành Giáo dục mới chỉ có dữ liệu về học bạ và văn bằng, chứng chỉ của năm 2024 - 2025, CSDL hàng hóa (hóa chất, tiền chất) chỉ có phần mềm chuyên ngành quản lý lĩnh vực hoá chất, sử dụng nội bộ trong Bộ Công Thương, ...; **Nhóm 02 CSDL đang triển khai, chưa có nền tảng và CSDL tập trung**, dữ liệu đã có một phần nhưng mới chỉ được số hóa, chưa được tạo lập theo đúng quy trình nghiệp vụ; **Nhóm 03 CSDL chưa triển khai** do chưa thống nhất phạm vi, chưa có chủ trương đầu tư, hợp đồng, chưa triển khai, xây dựng trên thực tế. **Đối với 105 CSDL năm 2025 theo Nghị quyết 71/NQ-CP: Nhóm 15 CSDL đang/chưa triển khai, nguy cơ cao không đảm bảo tiến độ hoàn thành trong năm 2025.**

²⁵ Nhóm giải pháp chính quyền điện tử, DVC (ước ~50% tổng doanh thu – tương đương 1.250 tỷ đồng; Nhóm giải pháp tài chính – ngân hàng – thanh toán số (ước ~30% tổng doanh thu – tương đương 750 tỷ đồng; Nhóm giải pháp y tế số – khám chữa bệnh bằng CCCD (ước ~15% tổng doanh thu – tương đương 375 tỷ đồng; Nhóm giao thông thông minh – thu phí không tiền mặt (ước ~5% tổng doanh thu – tương đương 125 tỷ đồng)

²⁶ Khám chữa bệnh bằng CCCD thay thẻ BHYT, tuyển sinh và xác minh hồ sơ qua dữ liệu dân cư, doanh nghiệp áp dụng eKYC và đối soát điện tử, giao thông mở rộng thu phí không dừng, vé điện tử.

²⁷ Lĩnh vực ngân hàng khoảng 4.000 tỷ đồng; y tế 1.175 tỷ đồng; giao thông 8.900 tỷ đồng; giáo dục và đào tạo 1.600 tỷ đồng; khoa học công nghệ - viễn thông 6.200 tỷ đồng; tài chính - thuế 2.500 tỷ đồng; đồng thời thúc đẩy triển khai xác thực sinh trắc học trong bảo hiểm và tạo giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp đồng hành

²⁸ Cấp hơn 87 triệu thẻ CCCD gắn chip; phê duyệt 67 triệu tài khoản VneID; 86,97% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản ngân hàng; 20 khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng Bình dân học vụ số; tích hợp 50 tiện ích với hơn 500 triệu lượt truy cập qua VneID.

²⁹ 100% địa phương hoàn thành số hóa hơn 107 triệu dữ liệu hộ tịch và 2.360/3.321 xã phường hoàn thành số hóa dữ liệu địa chính với 49,7 triệu thửa đất; số hóa 28 triệu hồ sơ điện tử của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và 2,4 triệu hồ sơ cán bộ, công chức; CSDLQG về dân cư kết nối với 15 bộ, ngành, 04 doanh nghiệp (EVN và 03 doanh nghiệp viễn thông) và 34 địa phương;

³⁰ đã kết nối 06 nhóm thông tin dân cư với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ;

đổi số cần tập trung thực hiện, trở thành động lực phát triển quốc gia và gắn kết Nhà nước với người dân, doanh nghiệp trong một không gian số thống nhất, bền vững.

Tuy nhiên, nhiều nền tảng, ứng dụng số còn thiếu thân thiện, chậm triển khai, kết nối, liên thông dữ liệu hạn chế; 04 TTHC của Đảng chưa kết nối được với các CSDL quốc gia (*trách nhiệm của các cơ quan chủ quản các nền tảng số, nhất là các hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ*). Việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng ở các bộ, ngành, địa phương còn yếu, nhiều hệ thống tồn tại lỗ hổng và bị tấn công mạng (*trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương chủ quản các hệ thống thông tin*). Nhận thức và kỹ năng số của người dân còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng DVCTT và tiến trình chuyển đổi số.

5. Công tác phát triển nhân lực cho chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh với khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn thiện, với Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, tạo nền tảng chính sách thu hút và phát triển nhân lực công nghệ số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Bộ KH-CN đang xây dựng Đề án phát triển và trọng dụng nhân tài phục vụ KH-CN, ĐMST và CDS quốc gia, đồng thời điều chỉnh tiến độ trình để bảo đảm đồng bộ với Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài, cùng với ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và kế hoạch, chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số. Bộ GDĐT ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người lao động và người dân, hiện đang hoàn thiện học liệu trên Nền tảng Bình dân học vụ số. Các khóa tập huấn chuyển đổi số toàn quốc, Cổng đào tạo AI cộng đồng và các phong trào “Bình dân học vụ số”, “Ngày hội toàn dân học tập số” được triển khai rộng rãi, góp phần nâng cao mặt bằng kỹ năng số và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

IV. VỀ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả đạt được

a) Đã xác định cụ thể và tập trung chỉ đạo phát triển các công nghệ chiến lược (CNCL) góp phần nâng cao tự chủ quốc gia về khoa học, công nghệ

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục **11** nhóm CNCL và 35 sản phẩm CNCL. Dự thảo Chương trình quốc gia phát triển sản phẩm CNCL ưu tiên năm 2026 đang được Bộ KH-CN trình Thủ tướng Chính phủ, với **6 nhóm** trọng điểm: *Mô hình ngôn ngữ lớn và trợ lý ảo tiếng Việt, AI camera xử lý tại biên, Robot di động tự hành (AMR), Thiết bị - hệ thống mạng 5G, Hạ tầng blockchain và UAV*. Đề án Phát triển hệ thống trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và phòng thí nghiệm quốc gia cho các công nghệ chiến lược đang được xây dựng. Nhiều bộ, ngành đã bắt đầu triển khai³⁷, doanh nghiệp, viện, trường cũng chủ động nghiên cứu, phát triển sản phẩm. Một số

³⁷ như: Bộ Quốc phòng (UAV), Bộ Công an (nền tảng AI), Bộ Giáo dục và Đào tạo (phát triển trung tâm đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu về AI); Bộ Khoa học và Công nghệ (bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao của Việt Nam; hạ tầng tính toán hiệu năng cao); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đánh giá trữ lượng, tiềm năng đất hiếm và có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả); Thành phố Hà Nội (cụm công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo); Thành phố Đà Nẵng (cụm công nghệ chuyên sâu về kinh tế biển); Đại học Quốc gia Hà Nội (lượng tử, chip bán dẫn, AI)...

nhiệm vụ thí điểm đã cho kết quả bước đầu³⁸ (*Phụ lục VI kèm theo*).

b) Hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS tiếp tục có bước phát triển. Đến cuối năm 2025, cả nước có gần **79.000** doanh nghiệp, trong đó **51.984** doanh nghiệp đang hoạt động, với **66** ngành nghề. **Riêng số doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội chiếm gần 70%.** Trong số **51.984** doanh nghiệp đang hoạt động, được phân loại như sau: **(1) Phân theo loại hình:** Có **106** doanh nghiệp Nhà nước, **47.117** doanh nghiệp tư nhân, **4.761** doanh nghiệp FDI; **(2) Phân theo lĩnh vực:** Có **40** doanh nghiệp Công nghệ cao; **49.279** doanh nghiệp ICT, **645** doanh nghiệp KHCN, **668** doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và **1.352** doanh nghiệp nghiên cứu phát triển.

Bên cạnh đó, cả nước có 962 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận KHCN (tăng thêm 42 trong năm 2025), trong đó tư nhân chiếm 98,5% và hơn 90% tự đầu tư R&D hoặc chuyển giao công nghệ bằng vốn tư nhân; góp phần thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quốc gia. Khoảng 25% doanh nghiệp sở hữu văn bằng bảo hộ và nhiều đơn vị đã làm chủ công nghệ, thay thế nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu sản phẩm công nghệ.

(i) Mức độ tăng trưởng về số lượng và doanh thu

Trong năm 2025, các doanh nghiệp thuộc các ngành liên quan đến công nghệ thông tin, điện tử, phần mềm và nghiên cứu - phát triển tiếp tục ghi nhận **xu hướng tăng trưởng cả về số lượng doanh nghiệp lẫn quy mô vốn điều lệ**, phản ánh sự dịch chuyển tích cực của nền kinh tế theo hướng tri thức, đổi mới sáng tạo và công nghệ cao. Tổng thể, giai đoạn **6 tháng cuối năm 2025** cho thấy tăng trưởng đồng thời về số lượng và chất lượng doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS. **Dòng vốn đang dịch chuyển mạnh vào các ngành công nghệ lõi, phần mềm, sản xuất điện tử và R&D kỹ thuật - công nghệ. Hệ sinh thái doanh nghiệp KHCN ngày càng đóng vai trò trụ cột cho ĐMST, CDS và tăng trưởng kinh tế tri thức.** Những xu hướng này tạo nền tảng thuận lợi cho việc hình thành các doanh nghiệp công nghệ quy mô lớn, doanh nghiệp spin-off từ nghiên cứu, đồng thời mở ra cơ hội cho chính sách hỗ trợ R&D, đổi mới sáng tạo và liên kết “3 Nhà” trong thời gian tới. Cụ thể:

Đối với ngành công nghệ - ICT tiếp tục dẫn đầu về số lượng doanh nghiệp, với nhóm TOP10 tập trung chủ yếu vào công nghệ số và điện tử. Trong đó, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông đứng đầu với gần 16,7 nghìn doanh nghiệp cuối năm 2025; lập trình máy vi tính tăng trưởng mạnh nhất (+5%). Ngành sản xuất linh kiện điện tử tuy có quy mô lớn nhưng tăng trưởng thấp (1,17%), biểu hiện xu hướng bão hòa về số lượng. Về vốn điều lệ, hầu hết ngành đều tăng, nổi bật là sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi (+24,68%) cùng các ngành phần mềm, lập trình, sản xuất linh kiện điện tử (tăng trên 10%); chỉ riêng bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông giảm nhẹ (-1,02%). **Điều này cho thấy nhiều doanh nghiệp công nghệ đang tăng cường đầu tư, mở rộng quy mô, nâng cấp năng lực sản xuất - dịch vụ, thay vì chỉ tăng về số lượng.**

³⁸ Mô hình nền tảng tiếng Việt phục vụ dịch vụ công và trợ lý ảo; AI camera xử lý tại biên trong giám sát giao thông và an ninh đô thị; nguyên mẫu thiết bị 5G của doanh nghiệp viễn thông chuẩn bị sản xuất hàng loạt; UAV nội địa được thử nghiệm trong nông nghiệp và logistics.

Đối với nhóm doanh nghiệp R&D: Tổng số doanh nghiệp R&D vẫn còn rất nhỏ, chỉ chiếm chưa đến 3% (1.378/52.455), cho thấy nhu cầu cấp bách phải thúc đẩy mạnh hơn nghiên cứu, sáng tạo và phát triển công nghệ lõi.

(ii) Về tình hình xuất nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao đạt mức ấn tượng, chủ yếu từ phụ kiện máy chủ/điện toán đám mây (15,9 tỷ USD) và thiết bị mạng lõi 5G (14,2 tỷ USD), đồng thời mở rộng sang thiết bị công nghệ hoàn chỉnh như VR/AR, UPS, thiết bị lưu trữ (trên 10 tỷ USD). Ngược lại, nhập khẩu linh kiện bán dẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (chip AI - IoT 35,25 tỷ USD; chip chuyên dụng 25,34 tỷ USD), cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nguồn cung nước ngoài, với giá trị nhập khẩu vi mạch xử lý và các loại vi mạch khác cao gấp 20-30 lần xuất khẩu. Nhập khẩu pin lithium-ion (3,29 tỷ USD) phản ánh nhu cầu tăng cho chuyển đổi xanh và thiết bị di động. Điểm sáng là các doanh nghiệp như Intel, Hana Micron Vina, Luxshare-ICT có xuất khẩu cao hơn nhập khẩu, tạo giá trị gia tăng thực sự, trong khi các doanh nghiệp lắp ráp điện tử lớn vẫn có giá trị gia tăng nội địa thấp. Dù vậy, sự phát triển của nhóm sản phẩm 5G, máy chủ/điện toán đám mây và VR/AR cho thấy Việt Nam đang dịch chuyển sang công nghệ mới có giá trị gia tăng cao hơn.

(iii) Một số doanh nghiệp công nghệ tiêu biểu theo 15 lĩnh vực

Dựa trên danh mục 15 lĩnh vực quan trọng⁴⁰, các doanh nghiệp công nghệ số tiêu biểu đã có sản phẩm đưa ra thị trường và một số doanh nghiệp đã xuất khẩu sản phẩm ra khu vực và thế giới (doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp FDI tại Việt Nam), bao gồm: *Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Viettel IDC; VinIT (đã sáp nhập VinBigData); Công ty Cổ phần FPT; VNG; FPT Software; Vbee; Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC; Cinnamon AI; Filum AI; KMS Technology; Abivin; Olli Technology; JobHopin; Mfast; OKXE; Infoplus; Movian AI (Qualcomm); Google for Startups (Chương trình VN); Amazon Global Selling (VN); Torus AI (Chi nhánh Pháp tại VN); Cốc Cốc; Trusting Social; MISA (AMIS OneAI) (Phụ lục VII kèm theo).*

c) Hạ tầng đào tạo, nghiên cứu (viện, trường, phòng thí nghiệm) tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng

Cả nước hiện có **16** phòng thí nghiệm trọng điểm, trong đó **4** phòng được Bộ KH-CN xác định cần điều chỉnh toàn diện để tránh dàn trải và lãng phí nguồn lực. Riêng khối cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ GD&ĐT, đã hình thành **184** phòng thí nghiệm có mức đầu tư từ **10** tỷ đồng trở lên, gồm **140** phòng quy mô **10-30** tỷ, **34** phòng từ **30-100** tỷ và **10** phòng trên **100** tỷ. Về nguồn vốn, **137** phòng sử dụng ngân sách nhà nước, **3** phòng từ vốn vay Chính phủ, **43** phòng từ nguồn khác và **3** phòng kết hợp NSNN với nguồn khác. Các phòng thí nghiệm này cũng được phân loại theo nhóm Công nghệ chiến lược theo Quyết định 1131/QĐ-TTg, tạo cơ sở cho việc định hướng đầu tư và phát triển trọng tâm trong thời gian tới (*Phụ lục IX kèm theo*).

⁴⁰ 15 lĩnh vực được tổng hợp từ các lĩnh vực ưu tiên trong Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia và 11 nhóm công nghệ chiến lược (Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp tiêu biểu theo Năng lực công nghệ, Năng lực triển khai thị trường, Hiệu quả và tuân thủ)

d) Các sáng kiến, đăng ký sở hữu trí tuệ ngày càng nhiều hơn

Đến 30/11/2025, ghi nhận khối lượng xử lý đơn sở hữu công nghiệp tăng mạnh: tiếp nhận 134,5 nghìn đơn (tăng 7,9% so với cùng kỳ 2024), xử lý 232,5 nghìn đơn (tăng 101%) và cấp 76,7 nghìn văn bằng (tăng 67,9%). **Toàn bộ đơn tồn và quá hạn của năm 2024 - 2025 đã được xử lý dứt điểm.** Dự kiến cả năm 2025 sẽ hoàn thành 245 nghìn đơn và cấp 80,5 nghìn văn bằng. Cùng với đó, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung Luật SHTT ngày 10/12/2025, với trọng tâm rút ngắn thời hạn xử lý⁴¹ và bổ sung quy trình thẩm định nhanh tối đa 3 tháng cho sáng chế và nhãn hiệu, hoàn thiện khung pháp lý về thể chấp quyền SHTT để vay vốn.

Qua số liệu tổng hợp về SHTT phân theo 11 nhóm CNCL, cho thấy doanh nghiệp nổi bật ở các công nghệ mới như AI, điện toán đám mây, Blockchain, chip bán dẫn và 5G/6G với số đơn, bằng tăng nhanh (giai đoạn 30/6 đến 31/10/2025), song còn hạn chế ở lĩnh vực y-sinh học và năng lượng - vật liệu. Viện, trường giữ vai trò nòng cốt trong các lĩnh vực nền tảng như AI, dữ liệu lớn, y-sinh học, đất hiếm và năng lượng - vật liệu nhưng tỷ lệ thương mại hóa thấp. Ngoài ra, cá nhân, tổ chức cũng tham gia ở các lĩnh vực Blockchain, đất hiếm, an ninh mạng nhưng quy mô nhỏ.

d) Về vận hành Cổng sáng kiến KHCN và Sàn giao dịch KHCN

Đến nay, có **309/1.000** sáng kiến được hỗ trợ kinh phí. **Cổng Sáng kiến** đã được vận hành với toàn bộ quy trình trực tuyến; đồng thời tích hợp quy trình bảo hộ SHTT, đăng nhập qua VNeID, kết nối dữ liệu với các hệ thống của Trung ương và Bộ; bước đầu ứng dụng AI để phân loại, phân tích sáng kiến và đã xây dựng CSDL Mạng lưới chuyên gia AI Việt toàn cầu với **155** chuyên gia.

Sàn giao dịch KHCN đã được nâng cấp, chuẩn hóa quy trình; đã thu thập, đánh giá cung - cầu công nghệ, kết nối doanh nghiệp - viện trường - chuyên gia và liên thông dữ liệu giữa Sàn Trung ương với các sàn địa phương và Cổng Sáng kiến. Bộ KHCN đang tiếp tục phối hợp các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện cơ chế, đầu tư nâng cấp và phát triển các tổ chức trung gian để thúc đẩy thị trường KHCN.

e) Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Công tác này có bước tiến rõ rệt khi hệ thống chính sách đã được hoàn thiện tương đối đầy đủ, đặc biệt với Nghị định 249/2025/NĐ-CP và 263/2025/NĐ-CP, tạo đột phá về đãi ngộ thông qua cơ chế thỏa thuận lương, thưởng, hỗ trợ sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe, ưu đãi tuyển dụng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh. Các chính sách này góp phần thu hút trí thức trẻ, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài và nâng cao tiềm lực KHCN, ĐMST quốc gia.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nhiều đề án lớn về đào tạo nhân lực số, AI, bán dẫn, công nghệ cao và STEM; hình thành **13 mạng lưới** trung tâm đào tạo, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như AI, bán dẫn, an ninh mạng, vật liệu mới và năng lượng tái tạo; mục tiêu đến năm 2030 đào tạo 1.000 giảng viên, 5.000 sinh viên tài năng và triển khai tối thiểu 50 đề tài nghiên cứu ứng dụng.

Năm 2025, các ngành công nghệ then chốt thu hút **132.388** sinh viên nhập

⁴¹ thẩm định sáng chế từ 18 xuống 12 tháng, kiểu dáng công nghiệp từ 7 xuống 5 tháng, nhãn hiệu từ 9 xuống 5 tháng, chỉ dẫn địa lý từ 6 xuống 5 tháng; thời hạn công bố đơn giảm từ 2 xuống 1 tháng

học; riêng lĩnh vực **bán dẫn 118.108** sinh viên. Bộ GDĐT đã tiếp nhận **62** đề xuất chương trình đào tạo bán dẫn từ 26 trường đại học, với tổng chỉ tiêu **5.884** và quy mô đạt 42.804 người học. Trong lĩnh vực AI, cả nước có **34** cơ sở đào tạo với khoảng **3.500** sinh viên đang học và **1.000** sinh viên tốt nghiệp mỗi năm. Các chương trình đào tạo kỹ sư và thạc sĩ tài năng trong STEM tiếp tục mở rộng.

Nguồn nhân lực bán dẫn đang tăng trưởng nhanh với **6.300** sinh viên chuyên ngành, 12.000 sinh viên ngành gần, 700 học viên cao học, 120 nghiên cứu sinh và 1.600 học viên các khóa ngắn hạn. Về hạ tầng R&D, hơn 30 trường đại học đã được bàn giao gần 1.000 bản quyền phần mềm thiết kế vi mạch, mang lại lợi ích cho hơn 10.000 sinh viên và giảng viên; khoảng 30 phòng thí nghiệm bán dẫn quy mô nhỏ đã được xây dựng. Giai đoạn 2026 - 2027 dự kiến hoàn thành thêm 4 phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia và 19 phòng thí nghiệm cấp cơ sở, tạo nền tảng cho đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực bán dẫn.

g) Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh

Ban Chỉ đạo đã giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 đại học, 3 địa phương và các bộ, ngành nhằm thúc đẩy mô hình hợp tác “**3 Nhà**” - mô hình đã chứng minh hiệu quả tại nhiều quốc gia tiên tiến. Nghị định 180/2025/NĐ-CP thiết lập khuôn khổ pháp lý cho hợp tác công - tư trong KHCN và ĐMST, quy định rõ cơ chế đồng tài trợ, quyền sở hữu, sở hữu trí tuệ, dữ liệu và phân chia lợi ích, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho mô hình này. Bộ GDĐT đã ký kết hợp tác với ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP.HCM và ĐH Bách khoa Hà Nội để triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu công nghệ chiến lược và xây dựng hạ tầng nghiên cứu chung; các đại học lớn đã ban hành kế hoạch thực hiện.

Hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Năm 2025, Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí **44/139** về Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), WIPO đánh giá Việt Nam là quốc gia có chỉ số ĐMST vượt trội so với mức độ phát triển kinh tế trong 15 năm liên tiếp, tạo nền tảng vững chắc để bứt phá về năng lực hấp thụ công nghệ. Nhiều sự kiện quốc gia, quốc tế về ĐMST được tổ chức, đóng vai trò kết nối giữa startup - doanh nghiệp lớn - nhà đầu tư - đối tác quốc tế. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia đã hỗ trợ hơn 300 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và 200 doanh nghiệp lĩnh vực AI; phát triển các hoạt động kết nối đầu tư mạo hiểm, mô hình phòng thí nghiệm dùng chung. Đã hình thành 15 mạng lưới tại 22 quốc gia, vùng lãnh thổ với hơn 2.000 thành viên, hỗ trợ tư vấn chính sách, kết nối hệ sinh thái quốc tế và xúc tiến đầu tư/đối tác cho hệ sinh thái trong nước.

Dòng vốn và cấu trúc đầu tư dịch chuyển theo công nghệ chiến lược tiếp tục mở rộng, với sự chuyên môn hóa mạnh trong các lĩnh vực công nghệ AI, Deep tech, Fintech, Agri-tech, công nghệ xanh và chuyển đổi số. Thị trường vốn tư nhân đạt 2,3 tỷ USD với 141 thương vụ; đầu tư vào AI tăng 8 lần (80 triệu USD), Agri-tech tăng 9 lần (74 triệu USD), giải pháp chuyển đổi số tăng 562%, Green tech đạt 25 triệu USD. Hiện có 72 quỹ đầu tư mạo hiểm hoạt động tại Việt Nam, gồm 44 quỹ nội địa và 28 quỹ ngoại.

Về khu công nghệ cao (CNC), cả nước có 5 địa phương có khu CNC, trong đó Hà Nội có 2 khu (Hòa Lạc và CNC sinh học), TP.HCM có 2 khu (1 khu CNC và 1 khu nông nghiệp CNC và đang đề xuất mở rộng thêm 200 ha). Hạ tầng trong các khu được đầu tư tương đối đồng bộ, hình thành hệ sinh thái R&D - đào tạo - ươm tạo, với hành lang pháp lý đầy đủ từ Luật Công nghệ cao (sửa đổi) năm 2025, Nghị định 10/2024/NĐ-CP đến các chính sách đặc thù như Nghị định 74/2017/NĐ-CP và Luật Thủ đô 2024. Các tiêu chuẩn đô thị thông minh, khung kiến trúc ICT và hướng dẫn ứng dụng bản sao số đang được ban hành.

Về đô thị thông minh, năm 2025 Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo định hướng và hoàn thiện thể chế tại 5 cuộc họp. Thủ tướng đã thành lập Tổ công tác liên ngành do Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng làm Tổ trưởng; Bộ Xây dựng trình ban hành Nghị định 269/2025/NĐ-CP, hướng dẫn tiêu chuẩn xây dựng ĐTTM, lồng ghép nội dung ĐTTM vào quy hoạch và ban hành Bộ tiêu chí ĐTTM 1.0. Bộ KHCN ban hành danh mục tiêu chuẩn, khung tham chiếu ICT và hướng dẫn thí điểm các dịch vụ ĐTTM thiết yếu. Sáu địa phương trọng điểm (Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, TP.HCM, Cần Thơ) đang xây dựng đề án, chương trình và bước đầu triển khai các hạng mục phát triển đô thị thông minh.

h) Việc triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI - First)

Ban Chỉ đạo đã kịp thời định hướng phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo theo chiến lược AI-First, đặt mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu về mức độ sẵn sàng AI. Nhóm giải pháp đột phá gồm xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo, sửa đổi Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI, xây dựng hạ tầng tính toán hiệu năng cao và thúc đẩy ứng dụng AI trong các lĩnh vực trọng điểm như hành chính công, nông nghiệp, y tế, giáo dục. Đến nay đã đạt một số kết quả quan trọng: Quốc hội thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo (10/12/2025); Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Hướng dẫn khai thác, sử dụng AI cho cán bộ, đảng viên; Bộ KHCN đang hoàn thiện Chiến lược quốc gia về AI, đồng bộ với Luật và các văn bản pháp luật liên quan, đồng thời nghiên cứu lồng ghép Chương trình hành động chuyển đổi AI quốc gia.

2. Tồn tại, hạn chế nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Về thể chế, chính sách: Nền sản xuất công nghệ cao phụ thuộc lớn vào khối FDI, giá trị gia tăng nội địa thấp, chủ yếu là gia công, lắp ráp⁴²; Mô hình hợp tác 3 Nhà triển khai thực tế còn chưa hiệu quả, nhất là việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu; Tỷ lệ thương mại hóa sáng chế chỉ đạt khoảng 0,1%, cực kỳ thấp so với mục tiêu 8 - 10% vào năm 2030. Nguyên nhân do quy định về tỷ lệ nội địa hóa cần được hoàn thiện bổ sung. Bộ KHCN, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất sửa đổi.

b) Về nền tảng, hạ tầng: Các phòng thí nghiệm nhìn chung đầu tư còn dàn trải, thiếu đồng bộ, xuống cấp, lạc hậu; Các khu công nghệ cao chưa tạo được sức lan tỏa và nâng cao năng lực công nghệ nội địa như kỳ vọng; Cổng Sáng kiến và Sàn

⁴² Năng lực làm chủ công nghệ lõi và vật liệu nguồn còn yếu. Mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn lỏng lẻo, chưa gắn với quá trình chuyển giao công nghệ. Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm còn thấp; Chính sách tài chính chưa đủ đột phá để khuyến khích nội địa hóa

Giao dịch KHCN chưa phát huy vai trò, tầm vóc. Trách nhiệm thuộc về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý các Khu công nghệ cao.

c) Về dữ liệu: Thiếu các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao để phục vụ phát triển AI, đô thị thông minh; Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước mới ở bước đầu thí điểm; kết nối chia sẻ dữ liệu còn hạn chế giữa các ngành, lĩnh vực. Trách nhiệm thuộc về các bộ, ngành, địa phương.

d) Về tài chính: Doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận vốn; Tiềm lực KHCN nói chung của doanh nghiệp còn rất khiêm tốn. Số doanh nghiệp có trung tâm hoặc phòng thí nghiệm nghiên cứu chỉ chiếm 30%; Hoạt động của doanh nghiệp chưa tạo ra đột phá về quy mô chủ yếu tập trung ở các nhóm ngành CNTT và phần mềm.

đ) Về nhân lực: (1) Năng lực nghiên cứu và đào tạo nhìn chung còn khoảng cách lớn so với khu vực; (2) Nguy cơ thiếu hụt nhân lực R&D kế cận do số lượng nghiên cứu sinh còn hạn chế, trong khi lực lượng nghiên cứu đang già hóa; (2) Công tác đào tạo sau đại học và ngành STEM còn dàn trải, chất lượng chưa cao, chưa gắn với thực tiễn; (4) Các cơ sở đào tạo - nghiên cứu thiếu giảng viên và nhà khoa học đầu ngành, môi trường nghiên cứu hiện đại, gắn kết với doanh nghiệp; (5) Đội ngũ cán bộ quản lý KHCN, ĐMST cần được bồi dưỡng để thay đổi nhận thức và cách làm. Trách nhiệm thuộc về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học.

e) Về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS: (1) Cơ cấu doanh nghiệp mất cân đối, đông về số lượng ở ngành giáo dục, dịch vụ nhưng giá trị tạo ra thấp; (2) Lao động lớn nhưng thu nhập bình quân còn thấp, phản ánh thách thức về năng suất và chất lượng việc làm; (3) Các doanh nghiệp không trích lập hoặc trích lập rất ít vào quỹ khoa học công nghệ; (4) Số lượng doanh nghiệp R&D chưa đến 3%; (5) Năng lực làm chủ công nghệ lõi và vật liệu nguồn còn yếu. Mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn lỏng lẻo, chưa gắn với quá trình chuyển giao công nghệ. Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm còn thấp; Chính sách tài chính chưa đủ đột phá để khuyến khích nội địa hóa; (6) Hiện có nhiều doanh nghiệp về KHCN, ĐMST, CDS tuy nhiên không đăng ký cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN (có hơn 900/51.000 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận); (7) Số lượng doanh nghiệp ở một số ngành lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương chưa được xác định thuộc các doanh nghiệp về KHCN, ĐMST, CDS mặc dù có hàm lượng KHCN, thậm chí hàm lượng KHCN cao như: Các ngành công nghiệp lớn (Điện, khí, hóa chất, năng lượng, đường sắt...) và thương mại điện tử...

V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. Nguồn ngân sách nhà nước

Ngân sách cho KHCN, ĐMST, CDS đã được bảo đảm ở mức **3%** tổng chi ngân sách năm 2025. Cụ thể:

1.1. Về phân bổ và giải ngân vốn

a) Tổng kinh phí bố trí năm 2025 đạt 76 nghìn tỷ đồng, gồm 51 nghìn tỷ

đồng dự toán đã giao và **25 nghìn tỷ đồng** từ tăng thu NSTW năm 2024. Đến nay đã phân bổ **66.530 tỷ đồng**, **1.180 tỷ đồng** đang rà soát và **8.280 tỷ đồng** chưa phân bổ.

Đối với 51 nghìn tỷ đồng: có **30 nghìn tỷ** dành cho an ninh, quốc phòng và **21 nghìn tỷ** gồm **14,9 nghìn tỷ** ngân sách trung ương và **5,85 nghìn tỷ** ngân sách địa phương.

Đối với 25 nghìn tỷ đồng: đã phân bổ **15.530 tỷ đồng** (trong đó khoảng **10.346 tỷ đồng** cho an ninh, quốc phòng). Cụ thể: tính đến 13/12/2025, Bộ KHCN đề xuất phân bổ **16.716 tỷ đồng** (chi đầu tư 11.274 tỷ, chi thường xuyên 5.442 tỷ) cho 26 bộ, cơ quan trung ương (14.797 tỷ) và 20 địa phương (1.919 tỷ); phần còn lại khoảng **8,3 nghìn tỷ** dự kiến dành cho công nghệ chiến lược. Thủ tướng đã thống nhất phân bổ **15.530 tỷ đồng** (chi thường xuyên 4.257 tỷ đồng, chi đầu tư 11.274 tỷ đồng). Bộ Tài chính trình điều chỉnh giảm chi đầu tư **1.182 tỷ đồng** để bổ sung chi thường xuyên.

Tình hình phân bổ dự toán chi cho các khối cơ quan năm 2025 và chuyển nguồn từ năm 2024, cụ thể: Khối Đảng **1.063 tỷ đồng**; Khối Quốc hội **215 tỷ đồng**; Khối Chính phủ **17.662 tỷ đồng**; Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội **152 tỷ đồng**; địa phương **11.939 tỷ đồng**; phần còn lại chủ yếu cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

Đối với dự toán năm 2026: Đã bố trí **95 nghìn tỷ**, đảm bảo tối thiểu 3% (ngân sách trung ương là 70.000 tỷ; ngân sách địa phương là 25.000 tỷ) và đã phân bổ **82,75/95 nghìn tỷ đồng** cho từng bộ, ngành, địa phương.

b) Tình hình giải ngân

Đến ngày 19/12/2025, tổng kinh phí đã chi cho KHCN, ĐMST, CDS và CNTT là **16.719 tỷ đồng** (đạt **52%**), gồm 11.154 tỷ đồng ngân sách trung ương và 5.565 tỷ đồng ngân sách địa phương.

Cấp Trung ương: Quốc hội **11,7 tỷ đồng** (lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS); Mặt trận Tổ quốc **67,3 tỷ đồng** (65,9 tỷ đồng lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS; 1,4 tỷ đồng lĩnh vực CNTT); Khối Đảng **130,3 tỷ đồng** (112,3 tỷ đồng lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS; 18 tỷ đồng thuộc lĩnh vực CNTT); Khối Chính phủ **10.945 tỷ đồng** (9.098 tỷ đồng lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS; 1.847 tỷ đồng lĩnh vực CNTT).

Cấp địa phương: cấp tỉnh **5.565 tỷ** (3.479 tỷ đồng lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS; 2.086 tỷ đồng lĩnh vực CNTT), cấp xã chỉ **31,1 tỷ** (17,9 tỷ đồng thuộc lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS; 13,2 tỷ đồng thuộc lĩnh vực CNTT). Ngoài ra, đã bố trí **6.190,2 tỷ đồng**⁴³ cho Đề án 06 và **12,8 tỷ đồng** cho 5 địa phương số hóa tài liệu lưu trữ.

1.2. Kinh phí đầu tư cho các phòng thí nghiệm và liên quan đến công nghệ chiến lược

a) Kinh phí cho các phòng thí nghiệm (PTN)

- *Phòng thí nghiệm trọng điểm (PTNTĐ):* Thủ tướng đã đồng ý bổ sung **1.023,6 tỷ đồng** từ nguồn tăng thu ngân sách 2024 để đầu tư cho các PTNTĐ⁴⁴. Trong kế hoạch đầu tư công 2025, tổng vốn đầu tư phát triển dành cho các phòng thí

⁴³ từ nguồn chi sự nghiệp chưa phân bổ đầu năm, nguồn dự phòng NSTW 2025 và nguồn tăng thu NSTW 2024

⁴⁴ QĐ 185/QĐ-TTg ngày 17/9/2025; QĐ số 2173/QĐ-TTg ngày 05/10/2025.

nghiệm và trung tâm nghiên cứu đạt **888,4 tỷ đồng**, chủ yếu tập trung vào hệ thống viện và trường đại học⁴⁵. Riêng Khu CNC Hòa Lạc được bố trí **563,2 triệu đồng** từ ngân sách trung ương để hoàn thiện hạ tầng theo lộ trình.

b) Kinh phí đầu tư cho công nghệ chiến lược

Đối với công nghệ chiến lược, ngân sách dành cho lĩnh vực đất hiếm được bổ sung **802,8 tỷ đồng** cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), cùng đề xuất bổ sung thêm **950 tỷ đồng** theo Tờ trình 1162/TTr-BTC. Tổng kinh phí bố trí cho các công nghệ chiến lược năm 2025 đạt **934,4 tỷ đồng**⁴⁶.

2. Tổng thể nguồn lực đầu tư và hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực KHCN

Dựa trên dữ liệu kinh tế vĩ mô, dữ liệu tổng hợp từ Cục Thống kê, Cục Thuế, Cục Hải quan (Bộ Tài chính), tham khảo các phương pháp luận thống kê quốc tế (OECD, World Bank) và các nguồn tổng hợp khác:

(i) Về tổng mức đầu tư cho lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS ước tính khoảng 12,4% (**460 nghìn tỷ đồng**) tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm tỷ trọng lớn khoảng **60,1%** (274 nghìn tỷ đồng), trong khi chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn thấp so với mức trung bình khu vực. **(ii) Về giá trị kinh tế:** Kinh tế số đã trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, đóng góp ước tính khoảng 13,9% GDP. Tốc độ phát triển kinh tế số Việt Nam được đánh giá là nhanh nhất Đông Nam Á trong 03 năm liên tiếp, với mức tăng 3,5 lần GDP. Trong đó, thương mại điện tử tăng trưởng mạnh (Tỷ lệ thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ tăng từ 7% lên 10% giai đoạn 2021-2025); Thanh toán số đã phổ cập ở quy mô lớn (tổng giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 25 lần GDP; tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán gần 90%); Hạ tầng viễn thông băng rộng, Internet và thiết bị thông minh được phổ cập ở mức cao. **(iii) Về mức độ tự chủ:** Tỷ lệ giá trị nội địa (Make in Vietnam) trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin (ICT) đạt khoảng 31,8%. Phần lớn doanh thu vẫn đến từ hoạt động gia công, lắp ráp phần cứng của khối doanh nghiệp FDI (*Phụ lục VIII kèm theo*).

3. Nhận xét, đánh giá

Đánh giá chung cho thấy kinh phí được bố trí đầy đủ (3%). Tuy nhiên, một số bộ, ngành và địa phương chưa chủ động đề xuất nhiệm vụ và đăng ký vốn đúng hạn, tiến độ hoàn thiện hồ sơ chậm do quy trình nội bộ và phê duyệt kéo dài. Tiến độ giải ngân chung còn chậm (đạt 52%; cấp xã giải ngân hơn 31 tỷ đồng), phản ánh sự mất cân đối nguồn lực. Kinh phí dành cho KHCN, ĐMST, đặc biệt công nghệ chiến lược vẫn chưa tương xứng và việc phân bổ; nhiều CSDL và nền tảng số dùng chung theo Nghị quyết 71/NQ-CP và Kế hoạch 02-KH/BCĐTW chưa được bố trí vốn, ảnh hưởng tiến độ và khả năng hoàn thành nhiệm vụ năm 2025. Hướng dẫn về cơ chế chi và bố trí vốn cho nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS còn thiếu cụ thể.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

⁴⁵ như Viện Hàn lâm KHCN VN, Viện Hàn lâm KHXH VN, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁴⁶ AI **576,4 tỷ đồng**, lượng tử **20 tỷ đồng**, năng lượng - vật liệu tiên tiến **12 tỷ đồng**, công nghệ Y-Sinh học **36 tỷ đồng**, phương tiện không người lái **145 tỷ đồng**, và vi mạch bán dẫn **45 tỷ đồng**.

Năm 2025 Việt Nam đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KHCN với hầu hết các khu vực, đặc biệt các trung tâm công nghệ toàn cầu.

Hợp tác song phương mở rộng mạnh mẽ: với Trung Quốc tập trung vào AI, an toàn hạt nhân, thành phố thông minh; với Nhật Bản về bán dẫn, AI, lượng tử, vệ tinh và đào tạo tiến sĩ; với Hàn Quốc ký 22 văn kiện về chuyển giao công nghệ, công nghiệp phụ trợ và hệ sinh thái ĐMST; với Mỹ triển khai Biên bản hợp tác bán dẫn và công nghệ chiến lược; với Canada về sở hữu trí tuệ; với Mỹ Latinh về ứng dụng và chuyển giao công nghệ; với châu Âu ký 28 thỏa thuận về năng lượng sạch, hàng không vũ trụ, an ninh mạng; đồng thời nâng tầm quan hệ với Nga, Pháp, Anh. Việt Nam cũng ký 13 thỏa thuận mới với Singapore, Australia, New Zealand về CDS, công nghệ mới nổi, nông nghiệp thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu, và xác định KHCN là cấu phần quan trọng trong hợp tác với Trung Đông - châu Phi.

Trong hợp tác đa phương, Việt Nam chủ trì Lễ ký “Công ước Hà Nội” của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm mạng, tích cực đóng góp sáng kiến tại LHQ, Mê Công, APEC, ASEAN về an ninh mạng, AI, CDS và kinh tế số.

Vai trò kết nối doanh nghiệp và tập đoàn công nghệ toàn cầu được phát huy, thu hút NVIDIA, Qualcomm, HP, ASML, Thales, Shin-Etsu mở trung tâm R&D, đào tạo nhân lực và hợp tác chiến lược tại Việt Nam. **Công tác vận động trí thức kiều bào** được triển khai với cơ chế kết nối, đặt hàng, xây dựng CSDL chuyên gia và hoàn thiện thể chế thu hút nhân tài; đồng thời hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, hợp tác nghiên cứu – đào tạo và xúc tiến thương mại. Ngoài ra, đã thành lập Tổ công tác liên ngành hỗ trợ doanh nghiệp mua lại công ty công nghệ nước ngoài; Bộ Ngoại giao ban hành Kế hoạch hành động KHCN đến 2030 và hoàn thiện Chiến lược hợp tác quốc tế về công nghệ chiến lược.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nghị quyết số 57 có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng chiến lược định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới; được ban hành trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt và sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo cùng kinh tế số, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và đổi mới tư duy phát triển.

Việc triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW trong năm 2025 đã tạo sự chuyển biến rõ rệt về **nhận thức, tầm quan trọng** của KHCN, ĐMST, CDS, về phương thức quản lý và hiệu quả vận hành trong toàn hệ thống chính trị, đồng thời **tạo sự hứng khởi và niềm tin** cho cộng đồng KHCN và ĐMST. **Thể chế, chính sách** cơ bản đã được khơi thông với số lượng lớn văn bản luật, nghị định, thông tư được ban hành đồng bộ, tạo hành lang pháp lý vững chắc. **Chuyển đổi số** toàn hệ thống chính trị dần đi vào nền nếp khi khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Quy định số 05-QĐ/BCĐTW và các kết luận của Ban Chỉ đạo cùng các chương trình, đề án chuyển đổi số của 04 khối cơ quan⁴⁷ với nhiều kết quả tích cực cho thấy từ hạ tầng số⁴⁸ đến cơ sở dữ liệu, các nền tảng số bước đầu phát huy hiệu quả; tỷ lệ dịch vụ công trực

⁴⁷ Cơ quan Đảng, Cơ quan Quốc hội, Cơ quan Chính phủ, Cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

⁴⁸ Internet phủ 99,3% thôn bản, 5G phủ 58,9% dân số; Trung tâm Dữ liệu Quốc gia số 1 vận hành

tuyến phát sinh hồ sơ tăng mạnh, các tiện ích định danh, xác thực và sử dụng dịch vụ số tiếp tục được mở rộng, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước (***năm 2025 hơn 4.100 tỷ đồng***). KHCN và ĐMST đã nhận diện được cách làm bài bản, hướng đi đúng, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới với những lĩnh vực trọng tâm về Mô hình hợp tác 3 Nhà, khu công nghệ cao, đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, các công nghệ chiến lược và lựa chọn một số đơn vị có tiềm năng làm điểm để nhân rộng, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế và thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm huy động nguồn lực trong và ngoài nước. Sự quan tâm và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các dịch vụ, tiện ích cung cấp trên nền tảng số là tín hiệu tích cực góp phần củng cố niềm tin và khẳng định hướng đi đúng đắn của Nghị quyết 57. Cùng với đó, **nguồn lực tài chính được tăng cường, bảo đảm ở mức 3%** ngân sách nhà nước, lớn nhất trong 10 năm gần đây.

Kinh tế số từng bước là động lực tăng trưởng, với tỷ trọng trong GDP ước đạt **13,9%** năm 2025. Những kết quả bước đầu đạt được trong thực hiện Nghị quyết 57 năm 2025 đã góp phần vào ***Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GDP⁴⁹ ước đạt trên 16,4%***. Như vậy, năm 2025 được xem như cơ bản “**Hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực, tạo dựng nền tảng**” cho những năm tiếp theo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn tồn tại một số hạn chế mang tính hệ thống như: khoảng cách lớn giữa mục tiêu và thực tế (*kinh tế số mới đạt 13,9% GDP - mục tiêu 20%; đầu tư cho R&D mới đạt 0,42% GDP - mục tiêu 2%*), chất lượng dịch vụ công chưa đồng đều, thể chế chưa thẩm thấu, dữ liệu còn manh mún, tiến độ giải ngân chậm, thiếu nhân lực chất lượng cao và tư duy cũ vẫn phổ biến.

Từ thực tiễn 2025, rút ra các bài học: (1) Vai trò lãnh đạo trực tiếp của người đứng đầu là yếu tố quyết định; (2) Thể chế phải đi trước nhưng cần linh hoạt điều chỉnh; (3) Tổ chức thực thi quan trọng ngang với xây dựng chính sách, cần chuẩn hóa quy trình và giám sát theo dữ liệu; (4) Doanh nghiệp và hệ sinh thái ĐMST là lực kéo then chốt; (5) Truyền thông, tập huấn và nâng cao kỹ năng số phải liên tục để người dân, doanh nghiệp và cán bộ cơ sở chủ động tham gia.

Phần 2

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

Năm 2026 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XIV, có ý nghĩa rất quan trọng tạo nền tảng cho sự phát triển đất nước trong cả giai đoạn tới; yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển đất nước dựa trên KHCN đặt ra rất cấp bách; mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số rất khó khăn, đòi hỏi phải phát triển mạnh mẽ hơn nữa KHCN, ĐMST và CDS quốc gia để tăng năng xuất lao động, hiệu

⁴⁹ Theo tính toán của Cục Thống kê, Bộ Tài chính.

quả công việc. Từ những kết quả mang tính nền tảng đã đạt được trong thực hiện Nghị quyết 57 năm 2025, năm 2026 cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa với phương châm **“Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”**, với những sản phẩm cụ thể đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển đất nước. Trong đó, tập trung vào những mũi nhọn như: **(1)** Tiếp tục hoàn thiện thể chế; **(2)** Hoàn thành các CSDL quốc gia, chuyên ngành, các nền tảng số và cắt giảm mạnh thủ tục hành chính; **(3)** Thúc đẩy KHCN và ĐMST dựa trên sự liên kết chặt chẽ giữa “3 Nhà” và hệ sinh thái ĐMST; **(4)** và phát triển các công nghệ chiến lược. Trên cơ sở đó, Cơ quan Thường trực đề xuất Ban chỉ đạo những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

a) **Người đứng đầu** các cơ quan Trung ương và địa phương tập trung chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2026 theo đúng tiến độ. Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá và thường xuyên rà soát, nắm bắt tình hình triển khai để kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

b) Các cơ quan Trung ương và địa phương theo phạm vi quản lý, nghiên cứu, triển khai các giải pháp để **tiếp nhận phản hồi của tổ chức, cá nhân** một cách minh bạch, kịp thời, đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan (người dân, doanh nghiệp, trường/viện, nhà khoa học, nhà sáng tạo...) đối với những cơ chế, chính sách, giải pháp về phát triển KHCN, ĐMST, CDS để kịp thời điều chỉnh. Hoàn thành trong Quý I/2025.

c) Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo: (1) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất **giải pháp đo lường, xếp hạng** các cơ quan, đơn vị, bộ, ngành, địa phương về các nội dung liên quan trực tiếp đến KHCN, ĐMST, CDS để tạo động lực thúc đẩy và cạnh tranh lành mạnh. Hoàn thành trong Quý I/2025; (2) Chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc, Tổ Công tác liên ngành **khảo sát thực địa** tại một số địa phương (đến cấp xã) để phát hiện những vấn đề khó khăn, vướng mắc, qua đó đề xuất biện pháp tháo gỡ; (3) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết 57.

d) Các Bộ, ngành, địa phương theo phạm vi quản lý, **thiết lập các nhóm xung kích** và nhóm can thiệp sâu, hỗ trợ phát hiện vấn đề và đề xuất biện pháp tháo gỡ tại các bộ, cơ quan, địa phương gặp khó khăn.

đ) Các cơ quan Trung ương và địa phương: **(1) Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2026, báo cáo Ban Chỉ đạo trước 10/01/2026;** **(2)** Đăng ký kinh phí để triển khai thực hiện bảo đảm chủ động công việc, kinh phí, đúng tiến độ, tránh tồn đọng; **(3)** Quan tâm, thực hiện vai trò **Nhà nước là khách hàng đầu tiên**, chủ động đặt hàng, ứng dụng sản phẩm và giải pháp KHCN, ĐMST, CDS để tạo thị trường khởi đầu, giảm rủi ro cho doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy phát triển trong các ngành, lĩnh vực, giải quyết các vấn đề thực tiễn.

e) Các địa phương: **(1)** Chủ động rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là đối với cấp xã để có phương án bảo đảm kịp thời các nguồn lực nêu trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; **(2)** Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ cấp xã, ưu tiên ứng dụng các phương pháp đào tạo thuận tiện,

hiệu quả, mọi nơi mọi lúc.

2. Về hoàn thiện thể chế, quy định, quy trình

a) Các bộ, cơ quan chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật tiếp tục rà soát, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật đã được Quốc hội thông qua trong năm 2025 bảo đảm văn bản có hiệu lực thi hành đồng bộ với các luật, không để tồn đọng, hoàn thành chậm nhất trong Quý I/2026.

b) Các bộ, cơ quan, địa phương chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS. Trong đó, bảo đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ: (1) Tập trung xây dựng, trình Chính phủ đề trình Quốc hội ban hành: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường; Luật Bưu chính (sửa đổi) theo tiến độ đã được Chính phủ giao; (2) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân, hoàn thành trong tháng 9 năm 2026; (3) Khẩn trương ban hành tài liệu hướng dẫn định giá tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước nhằm tạo thuận lợi cho việc chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hoàn thành trong Quý I năm 2026.

3. Về bảo đảm nguồn nhân lực

a) Bộ KHCN chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực, nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, lực lượng công nghệ chất lượng cao trong và ngoài nước. Hoàn thành trong quý I/2026.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các viện, trường triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho KHCN, ĐMST, CDS.

c) Các bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, đào tạo hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, công chức viên chức và người lao động. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai 100% trên Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu chi phí, đồng thời tạo thuận lợi, không làm gián đoạn công tác của người học.

4. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

a) Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ bảo đảm **bố trí đủ và kịp thời** ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về: (1) Chuyển đổi số thực hiện theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và các nhiệm vụ liên quan; (2) Về KHCN và ĐMST: Mô hình 3 Nhà, Công nghệ chiến lược, Khu công nghệ cao, đô thị thông minh, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và các nhiệm vụ liên quan; (3) Tiếp tục hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương đề xuất nhiệm vụ KHCN,

ĐMST, CDS thực hiện trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành Thông tư ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thay thế cho Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN đã hết hiệu lực) để các đơn vị, tổ chức có liên quan thống nhất thực hiện.

c) Các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát và nghiêm túc triển khai thực hiện các giải pháp đột phá để phát triển KHCN, ĐMST thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính (trong đó trọng tâm là cơ chế Quỹ) đã được thể chế hóa trong thời gian qua. Chịu trách nhiệm về việc chậm hoặc không triển khai việc thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ, dẫn đến làm giảm hiệu quả trong hoạt động KHCN, ĐMST tại các lĩnh vực do bộ, ngành, địa phương quản lý.

d) Về theo dõi thông tin, số liệu phân bổ, giải ngân, hiệu quả đầu tư cho KHCN, ĐMST, CDS:

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan triển khai hiệu quả việc đăng ký, xét duyệt, thẩm định, phân bổ kinh phí và theo dõi hiệu quả, tác động sau nghiệm thu đối với các nhiệm vụ về KHCN toàn trình trên môi trường điện tử; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng để tích hợp các thông tin, số liệu này về Hệ thống theodoinq.dcs.vn để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư công. Thực hiện tích hợp trong quý I/2026 và duy trì thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tích hợp thông tin, số liệu về tình hình giải ngân vốn ngân sách nhà nước cho KHCN, ĐMST, CDS với Hệ thống theodoinq.dcs.vn.

5. Về chuyển đổi số

a) Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

- Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông, phủ sóng 5G băng thông rộng, Internet vệ tinh bảo đảm hạ tầng số quốc gia thông suốt.

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai đưa Trung tâm dữ liệu quốc gia vào vận hành, khai thác hiệu quả theo lộ trình.

- Các địa phương chủ động rà soát: (1) Nâng cấp đường truyền Internet, bảo đảm ổn định, đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo; (2) Bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp; (3) Khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin; (3) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 04 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; (4) Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại xã/phường phù hợp; (5) Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng. Hoàn thành trong quý II/2026.

b) Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ

và các cơ quan liên quan: Căn cứ kết quả rà soát, tổng hợp thành phần hồ sơ TTHC của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện đánh giá các thành phần hồ sơ với các CSDL có liên quan phục vụ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thực chất, bảo đảm mọi thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền được công khai, minh bạch, vận hành thông suốt; sử dụng tối đa các trường dữ liệu đã được xác định để thay thế thành phần hồ sơ thủ tục hành chính; kết quả thực hiện được theo dõi, giám sát, đo lường dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực.

- Các bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ: (1) Tiếp tục rà soát các TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu, chủ động thực hiện việc thay thế theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, nhiệm vụ thường xuyên; (2) Rà soát các thành phần hồ sơ giấy, nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền việc phát triển, hoàn thiện các trường thông tin trên các CSDL hiện có hoặc xây dựng, bổ sung các CSDL thực sự cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và mục tiêu thay thế thông tin trong thành phần hồ sơ giấy bằng dữ liệu, hoàn thành rà soát, đề xuất trong Quý I năm 2026.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ KHCHN tập trung xây dựng và đưa vào vận hành các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung đã thống nhất. Hoàn thành chậm nhất trong tháng 3/2026.

- Bộ Công an chủ trì hướng dẫn Bộ Ngoại giao về lộ trình, kế hoạch cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài là đối tượng thực hiện TTHC của Bộ Ngoại giao và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để có kế hoạch, phương án đưa 37 TTHC ở nước ngoài lên giải quyết trên môi trường số; mở rộng phạm vi kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư, định danh, xuất nhập cảnh... để phục vụ xác thực hồ sơ.

c) Về các nền tảng, ứng dụng số

- Các bộ, cơ quan chủ quản các nền tảng số, khẩn trương phối hợp với Bộ KHCHN để làm rõ kế hoạch, nội hàm, phạm vi của các nền tảng số do mình phụ trách để hướng dẫn các địa phương căn cứ triển khai thực hiện, tránh trùng lặp, chồng chéo; đồng thời tập trung xây dựng, đưa vào vận hành chính thức các nền tảng số theo lộ trình đã đề ra bảo đảm đúng tiến độ.

- Các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khẩn trương rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng. Hoàn thành trong tháng 3/2025.

- Bộ Công an: (1) Xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính là một cấu phần của Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành chậm nhất ngày 01/3/2026; (2) Triển khai ứng dụng VNeID trở thành nền tảng số quốc gia, là trung tâm kết nối giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân, hoàn thành trong năm 2026.

d) Về các CSDL quốc gia, chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Các bộ, cơ quan chủ quản các CSDL quốc gia, chuyên ngành chủ trì, phối

hợp với chặt chẽ với Bộ Công an và các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng CSDL quốc gia, chuyên ngành để tạo lập, kết nối chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, DVCTT và phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành dứt điểm trong năm 2026. Trong đó, rà soát tổng thể các CSDL để xây dựng lộ trình triển khai, phân loại rõ CSDL phục vụ nghiệp vụ chuyên ngành, CSDL phục vụ giải quyết TTHC và CSDL phục vụ tổng hợp, thống kê; xác định dữ liệu chủ, dữ liệu gốc, dữ liệu tham chiếu và xây dựng từ điển dữ liệu theo ngành, lĩnh vực đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí; hoàn thành trong Quý I/2026.

- Các bộ, cơ quan chủ quản CSDL đã có dữ liệu bảo đảm đủ điều kiện khai thác, sử dụng trên thực tế phải có trách nhiệm cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin và công bố phạm vi thông tin trong CSDL được khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính, hoàn thành trước 31/12/2025; tiếp tục thực hiện công bố phạm vi thông tin được khai thác, sử dụng dựa trên mức độ sẵn có của dữ liệu.

- Bộ Công an Chủ trì theo dõi, đôn đốc sát sao, kiểm tra việc xây dựng, công bố các CSDL, bảo đảm kết nối, khai thác, sử dụng theo đúng quy định; theo dõi, đánh giá tình hình sử dụng CSDL để phục vụ giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Công an đôn đốc các cơ sở khám chữa bệnh, Hội đồng giám định y khoa kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 10/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ lên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định bảo hiểm y tế của BHXH Việt Nam, trong đó, yêu cầu tất cả các dữ liệu được chia sẻ phải được ký số theo quy định nhằm tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện các DVC trực tuyến.

d) Về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung hoàn thiện khung pháp lý, nâng cấp năng lực phòng thủ, tổ chức diễn tập và rà soát vá lỗ hổng các hệ thống nền tảng quốc gia, bộ, ngành, địa phương, nhất là các nhiệm vụ, giải pháp đã được Ban Chỉ đạo giao tại Thông báo kết luận số 06-TB/CQTTBCĐ ngày 27/9/2025.

e) Chính phủ chỉ đạo thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Trong đó, ưu tiên chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp, nhất là các ngành kinh tế, công nghiệp trọng điểm như: công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, công nghiệp dệt - may, da giày, túi xách, công nghiệp hóa chất - phân bón - cao su, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí - điện tử, mỹ phẩm, nội thất, nông nghiệp thông minh,... thương mại điện tử... **Báo cáo Ban Chỉ đạo trong tháng 01/2026, trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.**

6. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- a) Bộ KHCN chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện thể chế liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ, nhất là quy định về định giá tài sản trí tuệ, phục vụ phát triển KHCN, ĐMST, CDS.

- b) Bộ KHCN, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các viện, trường theo chức năng,

nhiệm vụ bảo đảm điều kiện hạ tầng đào tạo, nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, nhất là các phòng thí nghiệm trọng điểm; huy động chuyên gia trong và ngoài nước tham gia các chương trình, hoạt động nghiên cứu các công nghệ chiến lược.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thành lập doanh nghiệp từ đại học, viện nghiên cứu. Hoàn thành trong tháng 3/2026.

d) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH-CN và các cơ quan liên quan rà soát toàn bộ quy định thuế, phí liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) để đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm chi phí tuân thủ, thủ tục hoặc có chính sách ưu đãi tương đương với các nước trong khu vực để tạo điều kiện thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, giảm tối đa để tiến đến chấm dứt tình trạng các nhóm khởi nghiệp phải sang nước ngoài thành lập doanh nghiệp.

đ) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH-CN và các cơ quan liên quan rà soát các quy định pháp luật để sửa đổi, bổ sung, quy định rõ cơ chế đồng đầu tư Nhà nước - tư nhân cho các dự án đổi mới sáng tạo.

e) Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan được giao nhiệm vụ tập trung triển khai toàn bộ các công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo danh mục đã ban hành.

g) Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ: (1) Nghiên cứu có chính sách ưu đãi để khuyến khích doanh nghiệp trích lập, kê khai chi tiêu cho nghiên cứu phát triển KH-CN, ĐMST, CDS; (2) Có quy định về tỷ lệ nội địa hóa để tạo sức ép với các tập đoàn FDI lớn chuyển giao công nghệ; (3) Có chính sách vượt trội để thu hút nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế làm việc trong các ngành công nghệ chiến lược; (4) Rà soát và đánh giá thực chất việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH-CN để có cái nhìn tổng quan về các doanh nghiệp KH-CN, ĐMST, CDS nói chung.

h) Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các viện, trường bảo đảm điều kiện hạ tầng đào tạo, nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm; huy động chuyên gia trong và ngoài nước tham gia các chương trình, hoạt động nghiên cứu các công nghệ chiến lược.

i) Bộ Khoa học và Công nghệ tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền thúc đẩy hoạt động của Tổ công tác liên ngành hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động tìm kiếm, đàm phán và mua lại các công ty công nghệ nước ngoài.

k) Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền phương án bảo đảm: (1) Phát triển đồng bộ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia theo thông lệ quốc tế, tách biệt rõ vai trò quản lý chuẩn đo lường quốc gia với vai trò công nhận năng lực tổ chức giám định, đảm bảo tính độc lập, khách quan và minh bạch; (2) Đầu tư có trọng tâm cho các năng lực cốt lõi về đo lường, tiêu chuẩn và công nhận, tạo nền tảng thúc đẩy sự thừa nhận lẫn nhau và nâng cao mức độ chấp nhận quốc tế của các chứng chỉ chất lượng Việt Nam. **Báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả rà soát trong quý I/2026.**

1) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Hội đồng tư vấn quốc gia tăng cường hoạt động trao đổi, hợp tác với các mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, các viện nghiên cứu, trường đại học và các đơn vị của Bộ KH&CN, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương để chủ động tổ chức các hoạt động nghiên cứu, đánh giá và tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo những giải pháp tiếp tục đổi mới, tháo gỡ rào cản cho phát triển KH&CN, ĐMST, CDS.

7. Về hợp tác quốc tế trong phát triển KH&CN, ĐMST và CDS

a) Các cơ quan, địa phương tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyên đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác.

b) Mở rộng, phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài trong việc khai thác, tìm kiếm nguồn lực thông tin về đối tác, chuyên gia nước ngoài, cập nhật xu hướng phát triển công nghệ của thế giới. Tăng cường thu hút chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia quốc tế tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy dòng lưu chuyển tri thức và công nghệ từ nước ngoài về Việt Nam.

c) Bộ Ngoại giao: (1) Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động triển khai công tác khoa học công nghệ đến năm 2030 và cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chiến lược hợp tác quốc tế về các công nghệ chiến lược; (2) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan thúc đẩy triển khai các cam kết, thỏa thuận đã ký trong các hoạt động của Lãnh đạo Cấp cao diễn ra trong năm 2025.

d) Các bộ, cơ quan chủ trì triển khai các dự án, chương trình liên quan đến các công nghệ chiến lược, có trách nhiệm huy động các chuyên gia trong và ngoài nước tham gia trong quá trình nghiên cứu, phát triển áp dụng theo mô hình hợp tác 3 Nhà, huy động các chuyên gia, các nhà khoa học, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng trong nước, quốc tế, nhất là tại các quốc gia là đối tác truyền thống, tin cậy của Việt Nam.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo kính đề xuất đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương:

1. Yêu cầu các cơ quan Trung ương và địa phương triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại **Mục I Phần 2 Báo cáo** này.

2. Giao Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng và trình Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, trong đó chỉ rõ các nhiệm vụ, cơ quan chịu trách nhiệm, sản phẩm hoàn thành làm cơ sở để kiểm điểm tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 và năm 2206. Hoàn thành trong tháng 01/2026.

3. Ghi nhận biểu dương những tổ chức, cá nhân đã thực hiện tốt các nhiệm vụ trong năm 2025. Giao Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với Bộ

Nội vụ xem xét, đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng trong năm 2026 và những năm tiếp theo khi đã có kết quả, sản phẩm cụ thể đi vào cuộc sống.

4. Giao Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo, đề xuất cử cán bộ tham gia các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước để thúc đẩy nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển KHCN, ĐMST, CDS.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, kính báo cáo đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương và các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Phạm Gia Túc